TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST Ngày: 23-02-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé S;

2. Ông Võ Thành C;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, Thư ký Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ A.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn S - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023**,** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khóm 2, phường C, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm S, phường L, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khóm S, phường L, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng N tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Vào năm 2004, chị và anh Phan Văn B cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con Nng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn

Nều hơn, không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về tình cảm: Chị yêu cầu được xin ly hôn với anh Phan Văn B.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Mỹ N, sinh ngày 08/11/2005, Phan Vĩ A, sinh ngày 19/02/2008 và Phan N Thiên N, sinh ngày 07/10/2019. Đối với Phan Mỹ N đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Riêng Phan Vĩ A và Phan N Thiên N, chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Văn B vắng mặt và không có văn bản ý kiền trình bày gửi cho Toà án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Văn B. Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phan Vĩ A, sinh ngày 19/02/2008 và Phan N Thiên N, sinh ngày 07/10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phan Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ Nng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Chị Trần Thị N thống nhất xét xử vắng mặt anh Phan Văn B. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phan Văn B.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Trần Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phan Văn B cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, THÀNH PHỐ A, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu

thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con Nng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn Nều hơn, không còn hạnh phúc. Chị Trần Thị N cho rằng giữa chị và anh B không còn tình cảm và không thể nào sống với nhau được nữa, yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Do anh B không có văn bản ý kiến gửi cho Toà án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ phân tích trên, xét thấy tình cảm giữa anh, chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Mỹ N, sinh ngày 08/11/2005, Phan Vĩ A, sinh ngày 19/02/2008 và Phan N Thiên N, sinh ngày 07/10/2019. Đối với Phan Mỹ N đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Riêng Phan Vĩ A và Phan N Thiên N, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay các con đang sống chung với chị N, để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển B thường về tâm sinh lý cho các cháu nên tiếp tục giao các cháu cho chị Trần Thị N nuôi, (nguyện vọng cháu N, cháu An cũng mốn sống với mẹ), anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu. Chị Trần Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phan Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Văn B.

2/ Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phan Vĩ A, sinh ngày 19/02/2008 và Phan N Thiên N, sinh ngày 07/10/2019 (nguyện vọng cháu N, cháu An cũng mốn sống với mẹ). Anh Phan Văn B không cấp dưỡng nuôi các con do chị N tự nguyện không yêu cầu. Chị Trần Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phan Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Thị N cam kết tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị Trần Thị N cam kết không có, không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị N nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000490 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ A, chị Trần Thị N không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP.A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trương Thị Bé Sáu – Võ Thành Công	**Huỳnh Thanh Tâm**